

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11- 2021
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.
2. Bà Lê Thị Thu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 573/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26/10/2021 về tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2021/QĐXX-ST, ngày 10/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1983.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ HKTT: ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh L.

Cùng địa chỉ tạm trú: ấp M2, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

(Bà Q và ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2021 do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q ký tên và những lời khai tiếp theo tại của bà Nguyễn Thị Q trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Huỳnh Văn H có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hỏi vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 25/3/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà và ông H ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Chí H, sinh ngày 11/8/2010 và Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/6/2018. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Gia B, bà đồng ý giao cháu Huỳnh Chí H cho ông H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà không đặt ra cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà Q xác định, tài sản chung bà và ông H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Q về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống cũng như về con chung, nợ chung và tài sản chung theo như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Q. Nhưng về tình cảm vợ chồng thì ông H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhau. Nay bà Q cương quyết ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý thuận tình ly hôn với bà Q.

Về con chung: Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” là những tranh chấp quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền giải quyết ông Huỳnh Văn H có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn H nên bà Q được xác định là nguyên đơn, ông Huỳnh Văn H được xác định là bị đơn. Về thời hiệu và phạm vi giải quyết vụ án: Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu, phạm vi giải quyết vụ án các luật để áp dụng Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình ngoài ra các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[1.3] Chứng cứ để chứng minh là nghĩa vụ của các bên:

Bà Q yêu cầu xin ly hôn với ông H, bà cung cấp Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà và ông H nên quan hệ hôn nhân giữa bà với ông H là hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

[1.4] Về nội dung yêu cầu:

Bà Q yêu cầu được ly hôn với ông H, về con chung yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Gia B, đồng ý để ông H nuôi cháu Huỳnh Chí H, bà Q không đặt ra

việc cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung bà Q xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.5] Đối với ông H tại phiên hòa giải của Tòa án, ông H không đồng ý ly hôn với bà Q nhưng tại phiên tòa ông H xác định ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà Q, về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì ông H xin được trực tiếp nuôi 02 con chung không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung ông H thống nhất theo lời trình bày của bà Q.

[2] Xét thấy, tại phiên tòa ông H đồng ý thuận tình ly hôn với bà Q và thống nhất về tài sản chung và nợ chung là không có. Việc thỏa thuận trên của bà Q và ông H là không trái đạo đức xã hội không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên của hai đương sự.

[3] Bà Q và ông H tranh chấp việc nuôi con chung, bà Q yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/6/2018, bà Q thống nhất giao cho ông H trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Chí H, sinh ngày 11/8/2010, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông H xin được nuôi 02 con chung và ông H không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, các bên tranh chấp việc nuôi con chung sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Gia B, cháu B sinh ngày 02/6/2018. Tuy nhiên, cháu B đã trên 03 tuổi nhưng ở độ tuổi này rất cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên tiếp tục giao cháu Gia B cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là hoàn toàn có cơ sở xem xét. Còn đối với cháu H, cháu đã trên 7 tuổi và cháu H có nguyện vọng được sống với ông H nên tôn trọng ý kiến của cháu H, tiếp tục giao cháu H cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là hoàn phù hợp theo pháp luật quy định. Bà Q và ông H không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp sau này các bên có yêu cầu về thay đổi nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 9, Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về “*xin ly hôn, nuôi con chung*” đối với ông Huỳnh Văn H.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/6/2018. Ông Huỳnh Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Chí H, sinh ngày 11/8/2010. Các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên được quyền tới lui thăm non và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể xin thay đổi tình trạng nuôi con và khoản cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Q và ông Huỳnh Văn H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Q và ông Huỳnh Văn H không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008801, ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Tài